

THÔNG BÁO

V/v tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý giáo dục, ngành Quản trị trường phổ thông năm 2023

Thực hiện Kế hoạch tuyển sinh năm 2023, Học viện Quản lý giáo dục thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG VÀ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN

Đối tượng dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đáp ứng được điều kiện sau:

1.1. Về văn bằng

- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp với ngành đăng ký dự thi (*Phụ lục 1*); đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực/ngành sẽ học tập, nghiên cứu: có ít nhất 01 bài báo khoa học trước khi dự tuyển đăng trên Tạp chí khoa học chuyên ngành được Hội đồng chức danh giáo sư công nhận;

- Thí sinh đã tốt nghiệp đại học ngành phù hợp (không cùng tên, mã ngành) với ngành đăng ký dự thi, đối tượng này cần phải có Giấy chứng nhận bổ sung kiến thức của ngành dự thi theo Chương trình bổ sung kiến thức hiện hành của Học viện Quản lý giáo dục; Thí sinh đã tốt nghiệp đại học ngành Quản lý giáo dục đăng ký dự thi ngành Quản trị trường phổ thông không phải học bổ sung kiến thức;

- Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận văn bằng theo quy định hiện hành của Bộ GD và ĐT (nộp Giấy công nhận văn bằng cùng Hồ sơ đăng ký dự tuyển);

- Đối tượng tốt nghiệp đại học ngành phù hợp dự thi ngành Quản lý giáo dục; ngành Quản trị trường phổ thông phải có Chứng nhận hoàn thành khóa học bổ sung kiến thức trước khi dự thi. Cụ thể như sau:

+ *Danh mục các ngành đúng, ngành phù hợp*

STT	Ngành đào tạo	Danh mục văn bằng ngành phù hợp
1	Quản lý giáo dục (Chương trình định hướng nghiên cứu)	Các ngành đào tạo trình độ đại học thuộc lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên (Chi tiết tại Phụ lục 1)
2	Quản trị trường phổ thông (Chương trình định hướng ứng dụng)	Các ngành đào tạo trình độ đại học thuộc lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên (Chi tiết tại Phụ lục 1)

+ **Kế hoạch, chương trình học bổ sung kiến thức cho từng ngành trước khi dự thi theo thông báo cụ thể của Học viện Quản lý giáo dục.**

1.2. Về trình độ ngoại ngữ

- Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Thi sinh thuộc một trong các trường hợp sau được miễn thi môn Tiếng Anh khi có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do chính cơ sở đào tạo cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại *Phụ lục II* của Thông báo này hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

d) Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định riêng của Học viện (*nếu có*). Các trường hợp người học được tiếp nhận theo Quyết định thuộc diện Hiệp định, không thuộc các trường hợp trên, Học viện sẽ thành lập tiểu ban đánh giá năng lực Tiếng Việt của học viên để xác nhận đủ điều kiện học tập (*nếu có*).

1.3. Về kinh nghiệm công tác chuyên môn và nghiên cứu

- Ngành Quản lý giáo dục

+ Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành Quản lý giáo dục đạt loại khá trở lên được thi ngay sau khi tốt nghiệp hoặc đã công bố 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành;

+ Những đối tượng tốt nghiệp ngành phù hợp khác phải có bằng tốt nghiệp đạt loại khá trở lên hoặc đã công bố 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành và phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực giáo dục hoặc có liên quan đến giáo dục (có xác nhận của cơ quan công tác);

- Ngành Quản trị trường phổ thông

+ Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành Quản lý giáo dục đạt loại khá trở lên được thi ngay sau khi tốt nghiệp hoặc đã công bố 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành;

ly

+ Những đối tượng không tốt nghiệp ngành Quản lý giáo dục, phải có bằng tốt nghiệp ngành phù hợp đạt loại khá trở lên hoặc đã công bố 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành và phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực giáo dục hoặc có liên quan đến giáo dục (có xác nhận của cơ quan công tác);

1.4. Các điều kiện khác

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận;

- Có đủ sức khoẻ để học tập. Đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, Giám đốc xem xét, quyết định cho dự thi tuyển sinh tùy tình trạng sức khoẻ và yêu cầu của ngành học;

- Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của Học viện.

II. KẾ HOẠCH, PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

2.1. Thời gian, hình thức đào tạo

- Ngành Quản lý giáo dục: 02 năm
- Hình thức đào tạo: Chính quy
- Ngành Quản trị trường phổ thông: 1,5 năm
- Hình thức đào tạo: Chính quy

2.2. Thời gian tổ chức thi

Đợt 01 (Dự kiến): Thứ Bảy, Chủ nhật, ngày 27, 28/5/2023

Đợt 02 (Dự kiến): Thứ Bảy, Chủ nhật, ngày 28, 29/10/2023

(Nếu có thay đổi thời gian thi, Học viện sẽ thông báo trên Website của cơ sở đào tạo)

2.3. Phương thức tuyển sinh

2.3.1. Tổ chức thi (Áp dụng cho mọi đối tượng)

Người đăng ký dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ phải tham dự kỳ thi tuyển sinh do Học viện Quản lý giáo dục tổ chức, các môn thi quy định cho từng ngành như sau:

STT	Ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu (Dự kiến)	Môn thi		
				Cơ bản	Chủ chốt	Ngoại ngữ (Điều kiện)
1	Quản lý giáo dục	8 14 01 14	100	Giáo dục học	Khoa học quản lý	Tiếng Anh
2	Quản trị trường phổ thông	Thí điểm	40	Giáo dục học	Khoa học quản lý	Tiếng Anh

- Dạng thức đề thi môn cơ bản và môn chủ chốt là tự luận, thời gian thi 180 phút.

- Điểm xét trúng tuyển là tổng điểm của 2 môn cơ bản và chủ chốt, trong đó điểm của từng môn cơ bản/chủ chốt phải ≥ 5.0 (tính theo thang điểm 10), điểm ngoại ngữ đạt yêu cầu (20/40 điểm).

- Hình thức thi môn Tiếng Anh theo quy định hiện hành của Bộ GD và ĐT.

2.3.2. Đánh giá năng lực theo hồ sơ chuyên môn (Dự kiến áp dụng cho thí sinh dự thi ngành Quản trị trường phổ thông đợt 2 năm 2023, nếu còn chỉ tiêu)

Căn cứ theo Đề án mở mã ngành và Chương trình đào tạo đã ban hành, Học viện sẽ tổ chức đánh giá năng lực theo hồ sơ chuyên môn cụ thể như sau:

1. Đánh giá Hồ sơ năng lực
2. Bài luận nghiên cứu

Thí sinh đăng ký dự thi ngành Quản trị trường phổ thông theo định hướng ứng dụng thời gian trên, Học viện sẽ có văn bản hướng dẫn cụ thể cho thí sinh.

2.4. Phương thức xét trúng tuyển

- Hội đồng tuyển sinh xét trúng tuyển theo nguyên tắc mức điểm từ cao xuống thấp theo từng ngành đào tạo; Điểm tối thiểu từng môn thi (đối với thi tuyển), từng phần xét tuyển (đối với xét tuyển) đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng theo quy chế, quy định của Bộ GD&ĐT và Học viện;

- Thí sinh không đạt điểm trúng tuyển ngành Quản lý giáo dục theo định hướng nghiên cứu, nếu thí sinh có nguyện vọng và còn chỉ tiêu ngành Quản trị trường phổ thông, sẽ được Hội đồng tuyển sinh xét tuyển bổ sung vào ngành Quản trị trường phổ thông; Thứ tự ưu tiên trong xét tuyển từng ngành đào tạo được tính theo nguyện vọng của thí sinh đăng ký ban đầu, sau đó đến nguyện vọng bổ sung.

III. ĐỐI TƯỢNG VÀ MỨC ƯU TIÊN

3.1. Đối tượng ưu tiên

- Người có thời gian công tác liên tục từ 02 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

- Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;
- Con liệt sĩ;
- Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;
- Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 02 năm trở lên ở địa phương theo quy định;
- Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

Các đối tượng ưu tiên trên cần có giấy xác nhận ưu tiên của các cấp có thẩm quyền.

3.2. Mức hưởng ưu tiên

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng 4 điểm vào môn thi Ngoại ngữ (thang điểm 40) hoặc tương đương 10% điểm của bài thi môn Ngoại ngữ và cộng 01 điểm (thang điểm 10) vào môn thi Cơ bản.

IV. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ THI

Hồ sơ đăng ký dự thi theo quy định của Học viện Quản lý giáo dục, cụ thể:

- 1) Phiếu đăng ký dự thi (theo mẫu);
- 2) Bản sao có công chứng nhà nước bằng tốt nghiệp đại học; Giấy chứng nhận đã học bổ sung kiến thức (nếu có);
- 3) Sơ yếu lý lịch có dán ảnh, đóng dấu giáp lai, có xác nhận của cơ quan công tác hoặc chính quyền địa phương nơi người dự thi cư trú hoặc trường nơi sinh viên tốt nghiệp;
- 4) Công văn giới thiệu dự thi của thủ trưởng cơ quan quản lý nếu thí sinh là đối tượng cơ quan cử đi học (theo mẫu);
- 5) Bản sao công chứng các Quyết định tuyển dụng hoặc Hợp đồng lao động dài hạn nơi tuyển dụng hoặc Giấy xác nhận của cơ quan để chứng nhận thâm niên công tác liên quan đến lĩnh vực giáo dục và đào tạo (đối với chuyên ngành Quản lý giáo dục);
- 6) Bản sao có công chứng giấy tờ hợp pháp về đối tượng ưu tiên (nếu có);
- 7) Giấy chứng nhận sức khỏe theo qui định;
- 8) 03 ảnh 4 x 6 mới chụp trong vòng 6 tháng, mặt sau ghi rõ họ và tên, ngày tháng năm sinh;
- 9) 03 phong bì, ghi rõ họ tên và địa chỉ người dự thi.

**Các mẫu văn bản, hồ sơ thí sinh có thể tải trên Website của Học viện Quản lý giáo dục*

** Học viện không nhận hồ sơ của thí sinh nếu thiếu 01 trong các giấy tờ theo yêu cầu trên*

V. LỆ PHÍ DỰ THI TUYỂN SINH VÀ HỌC PHÍ

5.1. Lệ phí dự thi

- Lệ phí hồ sơ dự thi: 60.000 đ/hồ sơ (nộp khi mua hồ sơ)
- Lệ phí dự thi tuyển sinh: 360.000đ/thí sinh (240.000VNĐ đối với trường hợp thí sinh được miễn thi môn ngoại ngữ). Lệ phí dự thi nộp cùng thời điểm nộp hồ sơ tại Phòng KH - TC, Phòng 209, Nhà A1, Học viện Quản lý giáo dục.

5.2. Học phí

Học viên nộp học phí hàng năm theo quy định hiện hành của Chính phủ.

VI. TỔ CHỨC HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC VÀ ÔN TẬP

- Thời gian học bổ sung kiến thức dự thi tuyển sinh dự kiến từ tháng 3/2023;
- Học viện liên tục tổ chức các lớp học bổ sung kiến thức dự thi, ôn tập khi đủ số lượng học viên đăng ký.
- Kế hoạch, nội dung chương trình: Theo thông báo riêng về học bổ sung kiến thức dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đăng trên Website của Học viện Quản lý giáo dục và gửi học viên khi nộp hồ sơ.

VII. THỜI GIAN PHÁT HÀNH, NHẬN HỒ SƠ

Thời gian nhận hồ sơ dự thi tuyển sinh:

Đợt 01: Thời gian nhận hồ sơ dự thi tuyển sinh tháng 02/2023 đến hết 31/3/2023. Trường hợp thí sinh không phải học bổ sung kiến thức, hạn nộp hồ sơ đến trước ngày 29/4/2023

- 14 giờ 00 Thứ Sáu, ngày 26/5/2023, tất cả các thí sinh đã nộp hồ sơ dự thi tuyển sinh

10/5/23

tập trung tại Học viện Quản lý giáo dục nghe phổ biến quy chế thi tuyển sinh.

Đợt 02: Thời gian nhận hồ sơ dự thi tuyển sinh từ 29/5/2023 đến hết 31/8/2023. Trường hợp thí sinh không phải học bổ sung kiến thức, hạn nộp hồ sơ đến hết ngày 29/9/2023.

- 14 giờ 00 Thứ Sáu, ngày 27/10/2023, tất cả các thí sinh đã nộp hồ sơ dự thi tuyển sinh tập trung tại Học viện Quản lý giáo dục nghe phổ biến quy chế thi tuyển sinh.

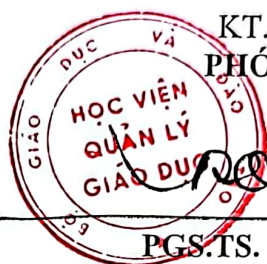
VIII. ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH VÀ NHẬN HỒ SƠ THI TUYỂN SINH

Phòng Quản lý đào tạo - Giáo dục chính trị và Công tác sinh viên (Bộ phận Sau Đại học) - Phòng 307, Nhà A1, Học viện Quản lý giáo dục, số 31 Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại liên hệ: 024.36 68 74 30, Fax: 024.38647886. Mọi thông tin chi tiết đăng trên Website của Học viện Quản lý giáo dục: <http://www.naem.edu.vn>

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT;
- Các Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: TCHC, P.QLĐT-GDCT&CTSV.



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

PGS.TS. Trần Hữu Hoan

PHỤ LỤC I. DANH MỤC THỐNG KÊ CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC PHÙ HỢP ĐĂNG KÝ DỰ THI TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
NGÀNH QUẢN LÝ GIÁO DỤC, QUẢN TRỊ TRƯỜNG PHỔ THÔNG

Mã ngành	Tên ngành	Hiệu lực	Ghi chú
714	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên		
71401	Khoa học giáo dục		
7140101	Giáo dục học		
7140103	Công nghệ giáo dục	Có hiệu lực áp dụng từ ngày 22/7/2022	Bổ sung ngành mới
7140114	Quản lý giáo dục		
71402	Đào tạo giáo viên		
7140201	Giáo dục Mầm non		
7140202	Giáo dục Tiểu học		
7140203	Giáo dục Đặc biệt		
7140204	Giáo dục Công dân		
7140205	Giáo dục Chính trị		
7140206	Giáo dục Thể chất		
7140207	Huấn luyện thể thao	Có hiệu lực áp dụng từ ngày 22/7/2022	Chuyển đến nhóm ngành 78103
7140208	Giáo dục Quốc phòng - An ninh		
7140209	Sư phạm Toán học		
7140210	Sư phạm Tin học		
7140211	Sư phạm Vật lý		
7140212	Sư phạm Hóa học		
7140213	Sư phạm Sinh học		
7140214	Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp		
7140215	Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp		
7140217	Sư phạm Ngữ văn		

16

7140218	Sư phạm Lịch sử		
7140219	Sư phạm Địa lý		
7140221	Sư phạm Âm nhạc		
7140222	Sư phạm Mỹ thuật		
7140223	Sư phạm Tiếng Bana		
7140224	Sư phạm Tiếng Êđê		
7140225	Sư phạm Tiếng Jrai		
7140226	Sư phạm Tiếng Khmer		
7140227	Sư phạm Tiếng H'mong		
7140228	Sư phạm Tiếng Chăm		
7140229	Sư phạm Tiếng M'nông		
7140230	Sư phạm Tiếng Xêđăng		
7140231	Sư phạm Tiếng Anh		
7140232	Sư phạm Tiếng Nga		
7140233	Sư phạm Tiếng Pháp		
7140234	Sư phạm Tiếng Trung Quốc		
7140235	Sư phạm Tiếng Đức		
7140236	Sư phạm Tiếng Nhật		
7140237	Sư phạm Tiếng Hàn Quốc		
7140245	Sư phạm nghệ thuật		
7140246	Sư phạm công nghệ		
7140247	Sư phạm Khoa học tự nhiên		
7140248	Giáo dục pháp luật		
7140249	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	Có hiệu lực áp dụng từ ngày 22/7/2022	Bổ sung ngành mới

th

PHỤ LỤC II. BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ VĂN BẰNG HOẶC CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3 VÀ BẬC 4 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ /Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30-45	46-93
		TOEFL ITP	450-499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 -6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance francaise diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga		TPKM-1	TPKM-2

6